

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004178 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/12/2009.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: INDUSTRIAL CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOIN STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ICIC

Trụ sở chính: Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty con của Công ty

Tên Công ty con	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	65%	65%

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Phương Thịnh	Chủ tịch
Ông Đàm Xuân Vũ	Ủy viên
Ông Trần Văn Khiên	Ủy viên
Ông Trương Quang Dũng	Ủy viên
Ông Trần Gia Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Đàm Xuân Vũ	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Gia Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Kiên Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Đàm Xuân Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

05
ON
P
M
T
GIẤY

Số: **279** /2010/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

SO
IG
DAI
TO
NAI
IP.V

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		432.199.800.863	428.181.361.647
I- Tiền	110	5.1	49.147.852.132	38.983.773.996
1. Tiền	111		33.147.852.132	38.983.773.996
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	23.040.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.040.000.000	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.391.792.776	222.953.192.583
1. Phải thu khách hàng	131		145.072.530.698	106.881.031.816
2. Trả trước cho người bán	132		16.942.408.740	7.543.815.510
3. Các khoản phải thu khác	135	5.3	38.217.391.322	112.314.656.693
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.840.537.984)	(3.786.311.436)
III- Hàng tồn kho	140		163.114.049.760	165.509.277.704
1. Hàng tồn kho	141	5.4	163.114.049.760	165.509.277.704
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		506.106.195	735.117.364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.986.364	3.486.364
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	501.119.831	731.631.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		22.456.891.674	12.127.466.267
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		15.446.394.635	7.721.926.291
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	14.985.283.101	7.593.055.291
- Nguyên giá	222		36.359.843.903	26.494.471.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.374.560.802)	(18.901.416.094)
2. Tài sản cố định vô hình	227		128.871.000	128.871.000
- Nguyên giá	228		128.871.000	128.871.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		332.240.534	-
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	3.513.238.972	1.410.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.513.238.972	1.410.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		3.497.258.067	2.995.539.976
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.272.573.864	2.477.132.441
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		224.684.203	518.407.535
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		454.656.692.537	440.308.827.914

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

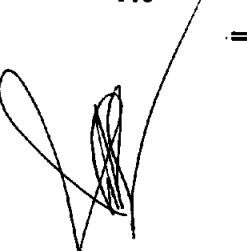
MẪU B 01 - DN/HN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		414.819.483.973	412.030.510.148
I- Nợ ngắn hạn	310		393.563.356.658	404.515.987.680
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	58.897.635.386	32.868.883.987
2. Phải trả người bán	312		123.508.841.388	183.841.766.494
3. Người mua trả tiền trước	313		153.502.966.834	148.055.937.889
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	21.309.285.180	19.825.326.419
5. Phải trả người lao động	315		2.118.793.800	1.042.481.200
6. Chi phí phải trả	316	5.11	1.291.101.518	4.593.008.467
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	32.483.964.164	13.834.656.679
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		450.768.388	453.926.545
II- Nợ dài hạn	330		21.256.127.315	7.514.522.468
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	14.082.787.686	3.996.818.541
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		764.295.933	545.304.732
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.14	3.207.258.590	2.926.996.045
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.15	3.201.785.106	45.403.150
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410 +430)	400		37.471.888.564	26.022.015.402
I- Vốn chủ sở hữu	410		37.471.888.564	26.022.015.402
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16	30.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.16	408.266.000	391.386.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.16	19.500.000	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.16	-	(844.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16	492.694.730	469.000.000
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16	828.000.000	532.500.000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.16	20.000.000	15.000.000
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16	5.703.427.834	5.458.129.402
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C- Lợi ích của Cổ đông thiểu số	439		2.365.320.000	2.256.302.364
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		454.656.692.537	440.308.827.914



Đàm Xuân Vũ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010


Lê Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng


Ngô Tuyết Minh
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	558.875.879.125	450.666.054.194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	127.041.612	289.190.889
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	558.748.837.513	450.376.863.305
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	528.178.962.029	420.387.864.452
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		30.569.875.484	29.988.998.853
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	3.647.374.842	4.362.807.872
7. Chi phí tài chính	22	5.19	4.195.329.108	6.051.568.727
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.479.720.850	4.327.463.577
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	442.602.908	962.142.133
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	21.224.857.330	17.139.235.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.354.460.980	10.198.860.138
11. Thu nhập khác	31	5.22	2.527.252.965	2.583.139.706
12. Chi phí khác	32	5.22	950.127.388	2.822.685.938
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.577.125.577	(239.546.232)
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		103.238.972	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	60		10.034.825.529	9.959.313.906
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	5.23	1.140.668.930	1.588.561.752
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		293.723.332	(277.660.760)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	70		8.600.433.267	8.648.412.914
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	71		527.470.000	450.302.364
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	72		8.072.963.267	8.198.110.550
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	5.24	3.953	42.797

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2008 đang được tính toán trên mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu. Trong năm 2009, mệnh giá cổ phiếu được chuyển đổi thành 10.000 đồng/cổ phần. Nếu áp dụng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu trong việc so sánh với năm 2009, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2008 là 4.280 đồng/cổ phiếu.



Đàm Xuân Vũ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Lê Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009	Năm 2008
		VND	VND
	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	635.590.072.749	427.268.267.301
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(447.857.727.305)	(377.446.899.993)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(61.671.288.042)	(51.069.807.632)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.339.014.398)	(6.362.148.028)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.645.285.619)	(958.329.676)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	315.701.949.992	254.675.813.582
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(440.664.488.284)	(251.804.602.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.885.780.907)	(5.697.706.521)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.509.567.952)	(1.028.295.334)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	520.562.770	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	(1.167.688.864)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.273.439.111	376.550.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.715.566.071)	(1.819.433.894)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6.684.060.000	1.450.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.000.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	91.704.114.095	69.690.124.244
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(71.693.334.481)	(79.041.197.890)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.929.414.500)	(3.866.915.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.765.425.114	(12.767.989.146)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	10.164.078.136	(20.285.129.561)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.983.773.996	59.268.903.557
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	49.147.852.132	38.983.773.996



Đàm Xuân Vũ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Lê Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004178 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/12/2009.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng được chia thành 3.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.080.000	10.800.000.000	36%
Các Cổ đông trong Công ty	1.544.682	15.446.820.000	51%
Các Cổ đông ngoài Công ty	375.318	3.753.180.000	13%
Cộng	3.000.000	30.000.000.000	100%

Các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	65%	65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	Công ty liên kết	20%	20%

Các Chi nhánh của Công ty gồm:

- Xí nghiệp Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Xây dựng số 5
- Xí nghiệp Xây dựng số 7
- Xí nghiệp Xây dựng số 9
- Xí nghiệp Xây dựng số 18
- Xí nghiệp Cơ giới xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Tại T.P Hồ Chí Minh
- Trường bổ túc văn hóa dạy nghề

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Tư vấn đầu tư;
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng;
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, công trình, công trình xây dựng;
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, kỹ thuật và dự toán, quyết toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình, dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Thiết kế công trình giao thông;
- Thiết kế công trình kỹ thuật;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Môi giới bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình hạ tầng, thủy lợi, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình xây dựng - hoàn thiện;

Trong năm 2009, hoạt động kinh doanh chính của Công ty xây dựng các công trình dân dụng, nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Y
/ 01
JH
AN
M
HA

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên/kiểm kê định kỳ và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	02 - 05
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

+ Đối với TSCĐ nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước, thời gian khấu hao được xác định bằng 1/2 thời gian khấu hao còn lại khi nhận bàn giao.

+ Đối với tài sản mua mới hoặc đầu tư mới, thời gian khấu hao bằng 1/2 thời gian khấu hao tối thiểu theo quy định của Bộ Tài chính.

+ Một số tài sản như Trạm trộn bê tông Thái Nguyên, Công ty thực hiện khấu hao theo sản phẩm căn cứ vào công suất thiết kế và thời gian theo quy định của Bộ Tài chính.

01
C
40
11
V
CÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ công cụ, dụng cụ, chi phí dự án chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

100
3N
c. Văn
19/

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.888.379.428	1.581.321.883
Tiền gửi ngân hàng	31.259.472.704	37.402.452.113
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	-
Tổng	49.147.852.132	38.983.773.996

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	23.040.000.000	-
Tổng	23.040.000.000	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Phải thu về cổ phần hóa	7.600.000	19.634.000
- Phải thu các đội và chủ nhiệm công trình tại văn phòng Công ty	9.664.332.042	13.152.486.643
- Dư nợ tài khoản 3388 tại Văn phòng Công ty	8.845.860.950	1.666.834.865
- Phải thu các đội và chủ nhiệm công trình tại các Xí nghiệp và Chi nhánh	17.337.699.972	97.475.701.185
- Các khoản phải thu của CBCNV	12.138.283	-
- Các khoản phải thu khác	2.349.760.075	-
Tổng	38.217.391.322	112.314.656.693

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	27.476.316
Công cụ, dụng cụ	3.876.140.451	19.160.091
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	156.064.418.772	162.939.461.011
Tổng	163.114.049.760	165.509.277.704

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	297.856.839	626.631.000
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	203.262.992	105.000.000
Tổng	501.119.831	731.631.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2009	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2009	5.535.212.782	10.873.013.790	9.143.037.079	943.207.734	26.494.471.385
Tăng trong năm	-	7.034.716.416	4.154.015.569	267.745.637	11.456.477.622
Mua trong năm	-	3.870.018.890	4.154.015.569	267.745.637	8.291.780.096
XDCB hoàn thành	-	2.796.515.708	-	-	2.796.515.708
Tăng khác	-	368.181.818	-	-	368.181.818
Giảm trong năm	-	1.511.151.246	-	79.953.858	1.591.105.104
Thanh lý, nhượng bán	-	1.074.827.185	-	-	1.074.827.185
Giảm khác	-	436.324.061	-	79.953.858	516.277.919
Số dư tại 31/12/2009	5.535.212.782	16.396.578.960	13.297.052.648	1.130.999.513	36.359.843.903
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2009	2.712.344.811	8.801.099.831	6.602.388.231	785.583.221	18.901.416.094
Tăng trong năm	579.658.619	1.846.248.324	796.794.653	150.451.949	3.373.153.545
Khấu hao trong năm	579.658.619	1.846.248.324	796.794.653	150.451.949	3.373.153.545
Giảm trong năm	-	820.054.980	-	79.953.857	900.008.837
Thanh lý, nhượng bán	-	751.912.737	-	-	751.912.737
Giảm khác	-	68.142.243	-	79.953.857	148.096.100
Số dư tại 31/12/2009	3.292.003.430	9.827.293.175	7.399.182.884	856.081.313	21.374.560.802
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2009	2.822.867.971	2.071.913.959	2.540.648.848	157.624.513	7.593.055.291
Tại 31/12/2009	2.243.209.352	6.569.285.785	5.897.869.764	274.918.200	14.985.283.101

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	1.513.238.972	1.410.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON ^(a)	2.000.000.000	-
Tổng	3.513.238.972	1.410.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư

Đầu tư vào Công ty liên kết	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	Công ty liên kết	20%	20%

^(a) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON tỷ lệ sở hữu 5% vốn điều lệ tương đương 200.000 Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí dự án chờ phân bổ	1.330.044.488	814.106.478
Chi phí Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.554.689.273	879.189.055
Chi phí Cốt pha chờ phân bổ (ICIC 24)	387.840.103	783.836.908
Tổng	3.272.573.864	2.477.132.441

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	54.394.396.430	28.964.698.993
Vay huy động vốn của các cá nhân	2.364.264.664	3.904.184.994
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.138.974.292	-
Tổng	58.897.635.386	32.868.883.987

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐ ngày 21/05/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội, hạn mức vay 80.000.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm. Mục đích bổ sung vốn lưu động thường xuyên cho toàn Công ty và các Xí nghiệp có đảm bảo bằng tài sản. Trong tổng số 54.394.396.430 đồng gốc vay đã dài ngắn có 11.941.617.000 đồng là gốc vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24.

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	20.369.500.326	18.448.078.768
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	26.064.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.311.754	1.198.641.408
Thuế thu nhập cá nhân	55.073.847	43.484.364
Các loại thuế khác	68.254.550	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	62.144.703	109.057.860
Tổng	21.309.285.180	19.825.326.419

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí phải trả CT NM VINASHIN	-	2.026.919.174
Chi phí phải trả Dự án NM XM Thái Nguyên	1.106.772.618	2.254.111.437
Lãi vay phải trả Ngân hàng & các đối tượng khác	123.301.102	13.866.029
Các khoản chi phí phải trả khác	61.027.798	298.111.827
Tổng	1.291.101.518	4.593.008.467

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	113.311.204	132.667.225
Phải trả về cổ phần hóa	560.570.000	560.570.000
Dư có Tài khoản 1388	5.270.311.691	2.177.177.765
Phí bảo lãnh Ngân hàng ĐT & PT Hà Nội	1.306.859.485	102.513.716
Phải trả khối lượng xây dựng các Công trình	11.709.015.083	4.752.587.429
Phải trả cổ tức, cổ đông cá nhân	157.500.000	-
Phải trả Khối lượng Trường Cao đẳng Kinh tế	9.250.000.000	2.250.000.000
Phải trả đội và các chủ nhiệm Công trình	2.760.196.625	2.466.115.596
Phải trả khác	1.356.200.076	1.393.024.948
Tổng	32.483.964.164	13.834.656.679

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	8.435.216.928	258.151.192
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	7.999.999.969	-
Ngân hàng ANZ	435.216.959	258.151.192
Nợ Dài hạn (GTCL của TSCĐ các XN & Đội)	5.647.570.758	3.738.667.349
Xí nghiệp cơ giới xây dựng	658.406.869	139.644.782
Xí nghiệp xây dựng số 4	175.328.669	3.273.763
Xí nghiệp xây dựng số 18	2.381.013.503	1.348.258.639
Xí nghiệp xây dựng số 1	1.891.142.133	2.233.760.540
Văn phòng Công ty	56.204.231	13.729.625
Xí nghiệp xây dựng số 5	304.290.222	-
Xí nghiệp xây dựng số 7	181.185.131	-
Tổng	14.082.787.686	3.996.818.541

(1) Hợp đồng tín dụng trung hạn Số 01/2009/ HĐTDTH ngày 24/12/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn mua thiết bị của dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2009, theo quyết định số 198/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2009 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp.

5.14 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp	3.183.586.772	2.903.324.227
Dự phòng phải trả (TTTV)	23.671.818	23.671.818
Tổng	3.207.258.590	2.926.996.045

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công trình nhà ở Lạng Sơn (XN7)	3.128.137.795	-
Chi phí đào tạo bổ túc văn hóa	73.647.311	45.403.150
Tổng	3.201.785.106	45.403.150

5.16 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn góp thực tế
	Cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ	31/12/2009 VND
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.080.000	10.800.000.000	36%	10.800.000.000
Cổ đông trong Công ty	1.544.682	15.446.820.000	51%	15.446.820.000
Cổ đông ngoài Công ty	375.318	3.753.180.000	13%	3.753.180.000
Tổng	3.000.000	30.000.000.000	100%	30.000.000.000

Giao dịch vốn Chủ sở hữu

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.798.447.953	3.303.726.500

Cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	8.440
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	191.560
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	191.560
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đ/Cổ phiếu)	10.000	100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Tại 01/01/2008	20.000.000.000	-	41.386.000	(844.000.000)	-	-	-	2.828.753.057
Tăng trong năm	-	-	350.000.000	-	469.000.000	532.500.000	50.000.000	8.648.412.914
Trích quỹ	-	-	-	-	300.000.000	500.000.000	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	50.000.000	8.648.412.914
Tăng khác	-	-	350.000.000	-	169.000.000	32.500.000	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	35.000.000	6.019.036.569
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	35.000.000	3.303.716.134
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	2.715.320.435
Tại 31/12/2008	20.000.000.000	-	391.386.000	(844.000.000)	469.000.000	532.500.000	15.000.000	5.458.129.402
Tại 01/01/2009	20.000.000.000	-	391.386.000	(844.000.000)	469.000.000	532.500.000	15.000.000	5.458.129.402
Tăng trong năm	10.000.000.000	19.500.000	16.880.000	-	2.076.514.730	295.500.000	170.000.000	8.072.963.267
Tăng vốn	10.000.000.000	-	16.880.000	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	19.500.000	-	-	2.076.514.730	295.500.000	170.000.000	-
Lợi nhuận năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	8.072.963.267
Giảm trong năm	-	-	-	844.000.000	2.052.820.000	-	165.000.000	7.827.664.835
Phân phối lợi nhuận 2008	-	-	-	-	-	-	-	2.434.440.953
Phân phối lợi nhuận 2009	-	-	-	-	-	-	-	2.364.007.000
Chi quỹ và giám khác	-	-	-	844.000.000	2.052.820.000	-	165.000.000	2.619.464.701
Điều chỉnh theo QTT	-	-	-	-	-	-	-	409.752.181
Tại 31/12/2009	30.000.000.000	19.500.000	408.266.000	-	492.694.730	828.000.000	20.000.000	5.703.427.834

TP. HCM
NH
JAI
AM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 Doanh thu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	558.875.879.125	450.666.054.194
Tổng	558.875.879.125	450.666.054.194
Các khoản giảm trừ	127.041.612	289.190.889
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (XN9)	7.507.067	21.328.898
- Giảm giá hàng bán (ICIC 24)	119.534.545	267.861.991
Doanh thu thuần	558.748.837.513	450.376.863.305

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng bán	528.178.962.029	420.387.864.452
Tổng	528.178.962.029	420.387.864.452

5.19 Doanh thu/ Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.273.439.111	376.550.304
Lãi chậm nộp tiền mua nhà	202.052.336	-
Doanh thu cho thuê cốt pha	608.097.272	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.563.786.123	3.986.257.568
Tổng	3.647.374.842	4.362.807.872
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	2.479.720.850	4.327.463.577
Các khoản chi phí tài chính khác	1.717.499.811	1.725.996.703
Tổng	4.195.329.108	6.051.568.727
Doanh thu tài chính thuần	(547.954.266)	(1.688.760.855)

5.20 Chi phí bán hàng

	Năm 2009 VND
Chi phí bảo hành	280.262.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.000
Chi phí bằng tiền khác	160.840.363
Tổng	442.602.908

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.271.116.445
Chi phí vật liệu quản lý	212.309.315
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.205.896
Chi phí dự phòng	582.861.631
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.035.589.430
Chi phí thuế phí và lệ phí	816.694.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.935.713.023
Chi phí bằng tiền khác	7.213.367.455
Tổng	21.224.857.330

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2009 VND
Thu nhập khác	
Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	1.289.948.517
Hoàn nhập dự phòng	528.635.083
Tiền sử dụng thương hiệu	499.266.360
Thu nhập khác	209.403.005
Tổng	2.527.252.965
Chi phí khác	
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	874.741.655
Chi phí khác	75.385.733
Tổng	950.127.388
Thu nhập khác thuần	1.577.125.577

5.23 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.034.825.529
Điều chỉnh tăng	660.782.083
Điều chỉnh giảm	3.038.025.630
Lợi nhuận chịu thuế	7.657.581.982
Lợi nhuận từ chuyển quyền sử dụng đất không được miễn giảm thuế	737.075.093
Thuế suất áp dụng	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	184.268.773
Lợi nhuận hoạt động hoạt động khác	6.920.506.889
Thuế suất áp dụng	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.730.126.722
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.914.395.495
Thuế TNDN được giảm	773.726.566
Tổng	1.140.668.930

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009
Lợi nhuận / lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.072.963.267
Lợi nhuận / lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.072.963.267
Các khoản điều chỉnh	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.072.963.267
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.042.168
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	3.953

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND
<u>Giao dịch bán</u>		
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Cổ đông góp vốn	3.182.446.092
- Cung cấp dầu	Bán hàng	606.246.364
- Than và Phụ gia	Bán hàng	972.205.455
- Trạm xử lý nước	Bán hàng	846.489.091
- Dầu mỡ và gạch chịu lửa	Bán hàng	15.747.273
- Trạm đập đá vôi, đá sét	Bán hàng	741.757.909

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Năm 2009 (VND)
Thù lao Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban giám đốc	526.050.000

6.2 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp trong việc trình bày số liệu.



Đàm Xuân Vũ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh

Người lập biểu